

ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ TIÊU GDP XANH Ở VIỆT NAM

ThS. Đinh Thị Thúy Phương
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê

Hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh, chính là hoàn thiện nội dung thông tin các yếu tố liên quan tính toán chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam. Bài viết này giới thiệu một số nội dung cơ bản về những nguyên tắc, đề xuất nội dung phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam.

Nguyên tắc hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh

Hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam, cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như: Tính chỉ tiêu GDP xanh trong khuôn khổ thực hiện Hệ thống tài khoản kinh tế và môi trường (SEEA) theo hướng dẫn của Liên hợp quốc và tính phạm vi quốc gia; Đảm bảo tính khả thi, nghĩa là hoàn thiện phương pháp tính có khả năng tính toán được trong điều kiện Thống kê Việt Nam hiện nay; Đảm bảo tính so sánh quốc tế; tính so sánh theo không gian và thời gian.

Đề xuất hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam

Ngày 10 tháng 01 năm 2011, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT, quy định giải thích nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (CTTKQG), trong đó có chỉ tiêu GDP xanh.

Công thức tính:

$$\text{GDP xanh} = \text{GDP} - \Omega \quad (1)$$

Trong đó: Ω là tổng chi phí xử lý chất thải và tiêu dùng tài nguyên của các hoạt động kinh tế, bao gồm ba yếu tố:

- (1) Chi phí xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất, tiêu dùng cần được xử lý;
- (2) Giá trị sản xuất của các ngành khai thác;
- (3) Chi phí sử dụng đất.

Trên cơ sở công thức (1) tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam, điều quan trọng nhất là tính được yếu tố "Tổng chi phí xử lý chất thải và tiêu dùng tài nguyên của các hoạt động kinh tế", như vậy nội dung hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh, chính là hoàn thiện việc tính toán 3 yếu tố nêu trên.

Về cơ bản phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh, tác giả đề xuất tương tự như phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh có trong Hệ thống CTTKQG, song có điểm khác là thay đổi một số nội dung yếu tố chưa được tính vào chỉ tiêu GDP xanh.



Công thức tính chỉ tiêu GDP xanh tác giả đề xuất:

$$\text{GDP xanh} = \text{GDP (Thuần)} - \Omega \quad (2)$$

So với công thức (1) tại Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT, có khác là:

(1) Công thức tại Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT là:
 $\text{GDP} - \Omega$

Công thức (2) là: $\text{GDP (Thuần)} - \Omega$

Trong đó: $\text{GDP (Thuần)} = \text{GDP} - \text{Khấu hao tài sản cố định}$.

(2) Các chi phí Ω

Loại trừ khỏi GDP thuần, tác giả đề nghị: Loại trừ 2 yếu tố như quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT, đó là: (i) Yếu tố "Chi phí xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được xử lý"; (ii) Yếu tố "Giá trị sản xuất của các ngành khai thác", còn yếu tố "Chi phí sử dụng đất" chưa đưa vào tính toán loại trừ khỏi GDP thuần, thay vào đó là yếu tố "Chi phí môi trường quy đổi do phá hủy môi trường sinh thái ở Việt Nam".

Do điều kiện nguồn thông tin còn nhiều khó khăn, tác giả đặt vấn đề tính chỉ tiêu GDP xanh phạm vi

quốc gia, chưa tính cho tỉnh, thành phố. Với nội dung công thức tính GDP xanh (2), đòi hỏi phải tính GDP thuần và các yếu tố chi phí loại trừ khỏi GDP thuần để tính GDP xanh.

Chỉ tiêu GDP số liệu được công bố trong Niên giám thống kê của TCTK, chỉ tiêu khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) được xác định bằng cách lấy GDP nhân (x) tỷ lệ khấu hao TSCĐ chiếm trong GDP hay giá trị tăng thêm (VA) các ngành kinh tế nhân (x) tỷ lệ khấu hao TSCĐ chiếm trong VA của từng ngành kinh tế. Tỷ lệ khấu hao TSCĐ so với GDP có thể tính được căn cứ số liệu Bảng I - O của TCTK, Bảng I - O 5 năm công bố một lần, nhưng vì tỷ lệ khấu hao TSCĐ ở Việt Nam nhiều năm mới thay đổi, nên tỷ lệ này tính ở một năm, nhưng có thể xem như tỷ lệ bình quân để ước lượng cho nhiều năm.

Đối với các yếu tố chi phí (Ω), nội dung được trình bày như sau:

Yếu tố “Chi phí xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử”

- Nội hàm thông tin tính chỉ tiêu GDP xanh của yếu tố “Chi phí xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử” gồm:

+ Tổng chi phí cần thiết xử lý chất thải nguy hại; chất thải (rắn, lỏng, khí);

+ Lượng chất thải cần thiết cần xử lý đạt tiêu chuẩn quy định: Chất thải nguy hại; chất thải (rắn, lỏng, khí);

+ Lượng chất thải thực tế xử lý đạt tiêu chuẩn quy định: Chất thải nguy hại; chất thải (rắn, lỏng, khí);

+ Tổng chi phí thực tế chi xử lý chất thải nguy hại; chất thải (rắn, lỏng, khí) đạt tiêu chuẩn quy định.

- Nhóm chỉ tiêu thống kê phản ánh chi phí cần thiết để xử lý chất thải, gồm:

(1) Tổng lượng chất thải nguy hại cần thiết phải xử lý đạt tiêu chuẩn quy định;

(2) Chi phí cần thiết xử lý tổng chất thải nguy hại đạt tiêu chuẩn quy định;

(3) Tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định;

(4) Tổng lượng chất thải lỏng của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và hộ gia đình cần thiết phải xử lý đạt tiêu chuẩn quy định;

(5) Chi phí cần thiết xử lý tổng lượng chất thải lỏng đạt tiêu chuẩn quy định;

(6) Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

(7) Tổng lượng chất thải rắn thu gom cần xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

(8) Chi phí cần thiết phải xử lý tổng lượng chất thải rắn đạt tiêu chuẩn quy định;

(9) Hàm lượng một số chất độc hại trong không khí (SO_2 ; NO_2 ; TSP; BOD);

(10) Chi phí cần thiết phải xử lý chất thải khí, khắc phục ô nhiễm không khí đạt tiêu chuẩn quy định

(11) Chi phí thực tế chi xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) đạt tiêu chuẩn quy định.

- Nguồn thông tin: Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; điều tra thống kê.

Để có thông tin tính yếu tố Chi phí xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng cần được khử, tác giả lựa chọn và đề xuất 11 chỉ tiêu, trong đó 3 chỉ tiêu thuộc Hệ thống CTTKQG, đó là chỉ tiêu (3); (6) và (9) và 8 chỉ tiêu thống kê đề xuất mới. Nếu xét theo tiêu thức hiện trạng nguồn thông tin thống kê, trong đó có 4 chỉ tiêu thống kê đã có thông tin và 7 chỉ tiêu thống kê chưa có thông tin, mặc dù là CTTKQG và chỉ tiêu được cài đặt vào chế độ báo cáo thống kê, nhưng thực tế chưa thu thập được thông tin. Trong thời gian tới, để thu thập thông tin phục vụ tính chỉ tiêu GDP xanh và lập một số tài khoản xanh như: Tài khoản ô nhiễm và tài khoản chi tiêu môi trường ở Việt Nam, bài viết đề xuất cài đặt thu thập thông tin vào một số cuộc điều tra thống kê.

Yếu tố “Giá trị sản xuất của các ngành khai thác”

Yếu tố “Giá trị sản xuất của các ngành khai thác”, tác giả đề xuất sửa lại: “Giá trị sản xuất của các ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên”, vì nội hàm của yếu tố này là xem xét mức độ suy thoái hoặc suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên do hoạt động kinh tế khai thác, sử dụng và liên quan tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam.

Một trong những phân loại tài nguyên thiên nhiên là tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo và tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo. Trong phạm vi bài viết này xem xét đến “Tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo, gồm: Than, Dầu thô; khí đốt tự nhiên và quặng kim loại”, do đây là các loại tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo và vẫn đang được khai thác nhiều, dẫn đến suy giảm nguồn tài nguyên.

Trong thời gian tới, để phục vụ lập tài khoản tài nguyên năng lượng (không có khả năng tái tạo) ở cấp độ quốc gia số liệu về giá trị khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo nên được phân tổ theo: (i) Mức độ sử dụng hay tiêu dùng trung gian (thể hiện bằng khối lượng và giá trị) tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo phân theo các ngành kinh tế; (ii) Sử dụng cuối cùng, gồm: Tiêu dùng cuối cùng; tích lũy; xuất khẩu.

Yếu tố “Chi phí sử dụng đất”

Như đề cập phần trên, yếu tố “Chi phí sử dụng đất” nếu xét trên góc độ:

(1) Chi phí gây thiệt hại đến môi trường đất thì chưa thật chính xác. Chi phí sử dụng đất nên phân thành hai loại: (i) Chi phí sử dụng đất gây ô nhiễm về đất như bón thuốc trừ sâu, bón phân hóa học... làm cho đất bạc màu, bị thoái hóa, ô nhiễm; (ii) Chi phí sử dụng đất như bón phân hữu cơ, chi phí cải tạo đất làm cho đất đai màu mỡ hơn, độ xốp của đất tốt hơn.

Trong hai loại chi phí sử dụng đất nêu trên, có chi phí sử dụng đất gây ô nhiễm về đất, làm cho đất bạc màu, bị thoái hóa phải trừ đi từ GDP thuần để xác định GDP xanh, còn chi phí sử dụng đất để cải tạo đất làm tăng độ

phí nhiều của đất phải được tách ra để không trừ vào GDP thuần khi tính GDP xanh.

(2) Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Chi phí sử dụng đất được tính bằng “Phần thu nhập bị mất đi khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất”.

Như vậy về phương pháp luận quy định là khi tính chỉ tiêu GDP xanh trừ yếu tố “Chi phí sử dụng đất” rất chung chung là chưa thật chuẩn xác, tác giả đề xuất đổi tên yếu tố “Chi phí sử dụng đất” bằng “Chi phí sử dụng đất làm bạc màu, giảm độ phì nhiêu của đất” để tính chỉ tiêu GDP xanh trong tương lai.

Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, để có tính khả thi, tác giả đề xuất chưa đưa yếu tố này vào tính chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam và bổ sung yếu tố “Chi phí môi trường quy đổi do phá hủy môi trường sinh thái ở Việt Nam”. Căn cứ dựa theo một số tiêu chí, như: Khai thác quá mức của rừng trồng; Giảm diện tích đất trồng rừng; Thiệt hại về rừng.

Để có thông tin phục vụ tính toán yếu tố “Chi phí môi trường quy đổi do phá hủy môi trường sinh thái ở Việt Nam” theo các tiêu chí trên, tác giả đề xuất lựa chọn một số chỉ tiêu thống kê, như sau: Diện tích rừng hiện có; Diện tích rừng trồng mới tập trung; Mức độ thay đổi diện tích rừng trồng; Giá trị rừng trồng mới; Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Diện tích và tỷ lệ che phủ rừng; Diện tích rừng tự nhiên bị suy thoái; Diện tích rừng bị cháy; Mức độ giá trị thiệt hại rừng bị cháy; Diện tích rừng bị chặt phá; Mức độ giá trị thiệt hại rừng bị chặt phá.

Trong tổng số 11 chỉ tiêu thống kê phản ánh trực tiếp và gián tiếp yếu tố “Chi phí môi trường quy đổi do phá hủy môi trường sinh thái ở Việt Nam”, có 3 chỉ tiêu về giá trị và 8 chỉ tiêu phản ánh về hiện vật, các chỉ tiêu về hiện vật làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu về giá trị và là một trong ba yếu tố tính toán chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam.

Ưu, nhược điểm phương pháp tính chỉ tiêu GDP xanh đề xuất.

Ưu điểm: Tính Ω phạm vi toàn nền kinh tế dựa trên cơ sở dữ liệu

liên quan đến môi trường được thu thập qua: Điều tra thống kê, báo cáo thống kê, khai thác hồ sơ hành chính và nguồn khác. Trường hợp chưa thu thập được dữ liệu, có thể ước lượng hoặc quy gán giá trị theo phương pháp chuyên gia, đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng phương pháp luận và có căn cứ khoa học.

Nhược điểm: Có thể xảy ra trường hợp tính trùng, nếu GDP tính theo phương pháp sản xuất, tuy nhiên trong thực tế ở Việt Nam hiện nay không phải tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế nào cũng quan tâm đến vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường, vì chi phí đầu tư trang thiết bị và vận hành xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường rất lớn, trong khi đó việc xử phạt các tổ chức, doanh nghiệp vi phạm gây ô nhiễm môi trường và mức xử phạt theo Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013, cao nhất đối với cá nhân là 1 tỷ đồng và tổ chức là 2 tỷ đồng, có thể

sẽ thấp hơn nhiều so với chi phí tổ chức, doanh nghiệp phải bỏ ra để xử lý chất thải, do đó nhiều tổ chức, doanh nghiệp sẵn sàng vi phạm và nộp phạt.

Theo Tổng cục Môi trường, khoảng 60% các khu công nghiệp ở Việt Nam đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, nhưng do vận hành tốn kém nên không ít nơi đã cố tình né tránh, các tổ chức, doanh nghiệp gần như phó mặc cho Nhà nước phải bỏ toàn bộ chi phí để xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường đối với ngành kinh tế và tiêu dùng cuối cùng hộ gia đình gây ra.

Đứng trên góc độ thống kê về lý thuyết đối với VA ngành kinh tế là đã có yếu tố môi trường. Như phân tích ở trên trong thực tế VA ngành kinh tế có yếu tố môi trường là không đáng kể. Do vậy tính chỉ tiêu GDP xanh theo công thức đề xuất, trong đó chỉ tiêu GDP tính theo phương pháp sản xuất là phù hợp hơn trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam./

VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN...

(Tiếp theo trang 9)

Cụ thể, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định để giải quyết những vấn đề bất cập trong thực hiện chính sách đất đai; sửa đổi các quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính; đồng thời tăng cường đảm bảo quyền lợi của người lao động trong khu vực kinh tế tư nhân.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để phát huy nội lực của thành phần kinh tế tư nhân, từ đó, kinh tế tư nhân sẽ được tạo cơ hội, điều kiện cạnh tranh công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp, khuyến khích tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế.

Thực hiện tốt dịch vụ hành chính công đối với các doanh nghiệp, phục vụ hỗ trợ các doanh nghiệp, hướng tới xử lý các vấn đề của nền kinh tế bằng nguyên tắc thị trường,

từng bước loại bỏ việc can thiệp bằng các công cụ hành chính, tách bạch chức năng kinh doanh và chức năng xã hội của doanh nghiệp Nhà nước, quyết liệt chống độc quyền, chống tham nhũng. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, mối liên kết giữa các thành phần kinh tế hiện còn khá lỏng lẻo, nhất là trong bối cảnh hội nhập, cho nên liên kết trở thành vấn đề bức xúc và cấp thiết của bản thân mỗi doanh nghiệp; các doanh nghiệp cần phải tự biết được thế mạnh của mình, tạo ra được chuỗi liên kết và cạnh tranh lành mạnh

Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt việc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, khuyến khích và mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết, liên doanh giữa kinh tế tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài./